

Bản án số: 08/2022/HC-ST
Ngày : 21 - 6 - 2022
V/v: Khiếu kiện quyết định
Hành chính trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Trường Quân

Ông Trần Văn Biết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Có – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Phúc Vinh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25 tháng 5 và 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 13/2021/TLST-HC ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2022/QĐXXST-HC ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hoàng D; địa chỉ: ấp Phú N, xã Song P, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Anh Nguyễn Vũ P; địa chỉ: 313 E Hoàng Quốc V, KV4, phường An B, quận Ninh K, thành phố Cần T, theo văn bản ủy quyền ngày 26/3/2021 (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Anh Nguyễn Minh T là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần T (vắng mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện Tam B

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện là ông Lê Ngọc Đ – Phó chủ tịch UBND huyện Tam B, theo văn bản ủy quyền số: 571/UBND-NC ngày 21/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tam B (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là anh Nguyễn Thanh V – Phó trưởng Phòng tài nguyên và môi trường huyện Tam B (có mặt).

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1961, địa chỉ: ấp 2, xã Phú L, huyện Tân P, tỉnh Đồng N (có đơn xin vắng)

3.2. Chị Nguyễn Kim M, địa chỉ: ấp 2, xã An H, huyện Cái B, tỉnh Tiền G (có đơn xin vắng)

3.3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940. Người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Nguyễn Hoàng D theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2022 (có mặt).

3.4. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1962. Người đại diện theo ủy quyền của ông C là ông Nguyễn Hoàng D theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2022 (có mặt).

3.5. Chị Nguyễn Kim M. Người đại diện theo ủy quyền của chị M là ông Nguyễn Hoàng D theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2022 (có mặt).

3.6. Chị Nguyễn Kim H, địa chỉ: ấp Phú N, xã Song P, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng)

3.7. Ông Trịnh Hữu P, sinh 1969 (chồng bà Nguyễn Kim Y)

3.8. Chị Trịnh Thị Kim N (con bà Nguyễn Kim Y)

3.9. Anh Trịnh Khánh T (con bà Nguyễn Kim Y)

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã Long K, huyện Cần Đ, tỉnh Long A, (có đơn xin vắng)

3.10. Bà Phan Thị L (vợ của ông Nguyễn Hoàng T)

3.11. Chị Nguyễn Phan D (con của ông Nguyễn Hoàng T)

3.12. Chị Nguyễn Phan T (con của ông Nguyễn Hoàng T)

3.13. Chị Nguyễn Thị Minh T (con của ông Nguyễn Hoàng T)

Cùng địa chỉ: ấp Phú N, xã Song P, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long, (có đơn xin vắng)

3.14. Chị Nguyễn Kim M, mất năng lực hành vi dân sự, cùng địa chỉ ông Nguyễn Hoàng D, người giám hộ là ông Nguyễn Hoàng D (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hoàng D trình bày:

Ông là chủ sử dụng phần đất diện tích 838,3m² thuộc thửa 102 và 957,4m² thuộc thửa 105, cùng tờ bản đồ số 09, ấp Phú N, xã Song P, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh L. Ông có đơn yêu cầu UBND huyện Tam B xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nhưng không được chấp nhận, ông tiếp tục khiếu nại nên Chủ tịch UBND huyện Tam B ban hành Quyết định số: 3304/QĐ-UBND

ngày 29/6/2021 (sau đây gọi tắt là quyết định số 3304) giải quyết khiếu nại không chấp nhận yêu cầu của ông với lý do: ông không có giấy tờ chứng minh theo Điều 100 luật đất đai năm 2013.

Nhận thấy, Chủ tịch UBND huyện Tam B ban hành quyết định số 3304 không hợp pháp, bởi các lý do sau đây:

1. Về nguồn gốc diện tích 838,3m² thửa 102 và 957,4m² giáp thửa 105 là của cha ông D tên Nguyễn Hoàng N quản lý sử dụng từ trước năm 1975, theo tư liệu đo đạc thực hiện chỉ thị 299/TTg thuộc một phần thửa 1073, diện tích 4.400m², tờ bản đồ số 4, ấp Phú N, xã Song P, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long do ông N đăng ký trong sổ địa chính.

2. Trong quyết định số 3304, nhận định ông D không có giấy tờ chứng minh theo Điều 100 Luật đất đai là sai vì tư liệu đo đạc thực hiện chỉ thị 299/TTg cũng là một trong các loại giấy tờ theo Điều 100 Luật đất đai 2013.

3. Chủ tịch UBND huyện Tam B lấy lý do 02 thửa đất trên là rạch công cộng phục vụ cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp của người dân là chưa phù hợp, bởi việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 phần đất này cho ông D không ảnh hưởng đến việc tưới tiêu, trồng lúa của các hộ dân.

4. Trong quá trình sử dụng đất trước đây ông N luôn thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ cho nhà nước.

5. Chủ tịch UBND huyện Tam B vi phạm thủ tục giải quyết khiếu nại là không có mời ông D đối thoại để làm căn cứ giải quyết.

Từ những lý do trên, ông D khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 3304.

*Tại văn bản trình bày ý kiến số: 239/UBND-NC ngày 27/01/2022 người bị kiện trình bày:

Chủ tịch UBND huyện Tam B ban hành quyết định số 3304 giải quyết khiếu nại (lần đầu) bác yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng D là hợp pháp bởi ông D không có giấy tờ chứng minh theo Điều 100 Luật đất đai 2013. Do đó, Chủ tịch UBND huyện Tam B không chấp nhận hủy quyết định số 3304.

*Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Về hình thức, thẩm quyền, thời hạn ban hành quyết định số 3304 là đúng quy định pháp luật.

Về trình tự thủ tục ban hành quyết định là đúng, trước khi ban hành quyết định Chủ tịch UBND huyện Tam B có gửi thông báo số 21 ngày 21/5/2021 về việc thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của ông D, sau đó có thành lập tổ xác minh, tiếp xúc ghi nhận ý kiến của ông D để làm căn cứ giải quyết khiếu nại, mặc dù biên bản ghi là biên bản làm việc không ghi biên bản đối thoại nhưng thực chất đây là thủ tục đối thoại với ông D theo luật khiếu nại.

Về nội dung ban hành quyết định: Chủ tịch UBND huyện Tam B căn cứ việc ông D không có giấy tờ theo Điều 100 của Luật đất đai 2013 để bác khiếu nại của ông D là đúng, bởi lẽ:

Theo tư liệu 299/TTg thì thửa đất 1073 ghi nhận tên ông Nguyễn Hoàng N đăng ký sổ bộ địa chính, diện tích 4.400m² đến năm 2003 thì thửa 1073 của ông N được cấp lại thành 04 thửa gồm: thửa 936 diện tích 650m², thửa 937 diện tích 1.210m², thửa 938 diện tích 3.290m² (do ông N đứng tên) và thửa 939 diện tích 210m² (do ông Nguyễn Văn M đứng tên)

Riêng về nguồn gốc diện tích đất mà ông D yêu cầu cấp giấy cho ông gồm: 838,2m² thuộc thửa 102 và 957,4m² (không có số thửa) thì theo tư liệu 299/TTg ghi nhận: diện tích 838,2m² gồm một phần bờ đất công cộng và một phần thuộc thửa 1073, diện tích 957,4m² ghi nhận là rạch công cộng. Đến đo đạc theo chương trình đất năm 1991 toàn bộ diện tích 02 phần đất này được ghi nhận là rạch công cộng. Vào năm 2003 khi ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa 1073 thành các thửa 936, 937, 938 ông nhận giấy và sử dụng cho đến khi ông chết (năm 2009) thì ông vẫn không có khiếu nại yêu cầu cấp thêm cho ông phần 838,2m² và 957,4m².

Như vậy, kể từ khi đo đạc theo chương trình đất thì diện tích phần đất ông D yêu cầu cấp thêm đã là đất công cộng, nên không có căn cứ cấp cho ông D. Do đó, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông D về việc đòi hủy quyết định số 3304.

* Tại đơn xin xét xử vắng mặt của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là các con và cháu của ông Nguyễn Hoàng N (cha ông D) và bà Nguyễn Thị H (mẹ ông D) đều thống nhất trình bày: giao toàn bộ quyền cho ông D yêu cầu UBND huyện Tam B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 838,3m² và 957,4m² cho ông D.

* Tại phiên tòa sơ thẩm: các đương sự thống nhất về hình thức, thẩm quyền thời hạn ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Tam B đối với ông D là đúng quy định pháp luật. Riêng về phần nội dung và trình tự thủ tục ban hành quyết định thì người khởi kiện cho rằng không hợp pháp nên vẫn giữ yêu cầu hủy quyết định, phía người bị kiện vẫn bảo lưu quan điểm việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Tam B là đúng quy định pháp luật về trình tự thủ tục và nội dung nên không đồng ý hủy quyết định. Ngoài ra, người bị kiện có giao nộp tài liệu xác định trong 838,3m² thửa 102 có 610,6m² thuộc thửa 1073 (cũ)

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục trong thời gian chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự trong vụ án chấp hành nội quy phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 30, 32, 193, 348 Luật Tố tụng hành chính, Điều 32 Nghị quyết số 326 của Quốc hội, xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D, ông D chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Hoàng D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 3304/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tam Bình về việc giải quyết khiếu nại bác yêu cầu của ông D đòi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính, xác định quyết định số 3304 là quyết định hành chính đây là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính, từ đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Quyết định số 3304 của Chủ tịch UBND huyện Tam B ban hành ngày 29/6/2021, ông Dũng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án ngày 11/11/2021 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L theo quy định tại Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện.

[2.1] Về hình thức, thẩm quyền, thời hạn ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 3304 là hợp pháp, điều này được các đương sự thống nhất thừa nhận, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 79 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Theo quy định tại Điều 30 Luật khiếu nại năm 2011: “Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại”.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, qua kết quả xác minh nội dung khiếu nại có khác với yêu cầu của ông D nhưng người giải quyết khiếu nại không tổ chức đối thoại trước khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là có thiếu sót. Vấn đề này, người giải quyết khiếu nại cần rút kinh nghiệm.

[2.3] Xét về nội dung (căn cứ) ban hành quyết định.

Ông D khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND huyện Tam B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông gồm 02 phần: 838,3m² thửa 102 và 957,4m² (phần này trên bản đồ địa chính chính quy không có số thửa, giáp với thửa 105), cùng tờ bản đồ số 9, ấp Phú N, xã Song P, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long. Tại quyết định giải quyết khiếu nại số 3304 của Chủ tịch UBND huyện Tam B

không chấp nhận yêu cầu của ông D với lý do: ông D không có giấy tờ chứng minh theo Điều 100 Luật đất đai 2013.

Hội đồng xét xử xét thấy:

** Đối với phần đất diện tích 957,4m² (giáp thửa 105).*

Thể hiện trên trích lục bản đồ địa chính qua các thời kỳ đo đạc đều là rạch công cộng, ông D không chứng minh được ông có đủ điều kiện và giấy tờ về quyền sử dụng đất để được cấp giấy theo Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013. Do đó, Chủ tịch UBND huyện Tam B không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông phần này là đúng quy định pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông D đòi hủy quyết định số 3304 tại Điều 1 phần “không chấp nhận yêu cầu của ông D đòi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 957,4m²” là không có căn cứ chấp nhận.

** Đối với phần đất diện tích 838,3m² thuộc thửa 102.*

Thể hiện trên bản đồ giải thửa cũng như tại quyết định giải quyết khiếu nại số 3304 của Chủ tịch UBND huyện Tam B đều ghi nhận nguồn gốc đất theo tư liệu đo đạc thực hiện chỉ thị 299/TTg là bờ và một phần thửa 1073, mà thửa 1073 được ông Nguyễn Hoàng N đăng ký trong sổ địa chính (sổ đăng ký ruộng đất).

Theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất:

a) ...,

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính trước ngày 15/10/1993...

Như vậy, theo điều luật quy định điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phải sử dụng đất ổn định và có một trong các loại giấy tờ như: có tên trong sổ địa chính, sổ đăng ký ruộng đất.

Trong trường hợp này, ông Nguyễn Hoàng N (cha ông D) có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, nhưng quyết định số 3304 nhận định ông D không có giấy tờ chứng minh theo Điều 100 Luật đất đai 2013 là không đúng thực tế. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết khiếu nại, người bị kiện chưa xác minh làm rõ trong 838,3m² thửa 102 có bao nhiêu m² thuộc bờ bao nhiêu m² thuộc thửa 1073 (cũ), việc sử dụng đất của ông N và ông D (sau khi ông Nam chết) có ổn định không, có đủ điều kiện để được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 hay không mà lại bác toàn bộ yêu cầu của ông D là không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất.

Mặt khác, trong quyết định số 3304 thể hiện theo tư liệu đo đạc dự án Vlap thửa 102 diện tích 838,3m² ghi nhận tên bà Nguyễn Thị Bé N đăng ký. Tại phiên tòa ông D trình bày, trước đây ông có gửi đơn tranh chấp với bà Bé N 838,3m²

thửa 102 ra UBND xã Song P nhưng đến nay chưa được giải quyết dứt điểm. Như vậy, người bị kiện cũng cần xác minh làm rõ phần đất này hiện có tranh chấp không, có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 của Luật đất đai 2013 hay không.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng, kể từ năm 2003 khi ông N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa 1073 thành các thửa 936, 937, 938 ông N đồng ý nhận giấy mà không có khiếu nại yêu cầu cấp thêm phần còn lại của thửa 1073 nên phần còn lại của thửa 1073 trở thành đất công cộng. Xét lời trình bày này không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: UBND huyện Tam B không có ra quyết định thu hồi đất, không có bồi thường, hỗ trợ đối với phần này và cũng chưa từng xử phạt vi phạm hành chính đối với ông N hay ông D về việc lấn chiếm đất công.

Từ những phân tích trên, cho thấy Chủ tịch UBND huyện Tam B ban hành quyết định số 3304 không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D diện tích 838,3m² thửa 102 với lý do “ông D không có giấy tờ chứng minh theo Điều 100 Luật đất đai 2013” là không hợp pháp về mặt nội dung (căn cứ ban hành quyết định). Do đó, cần phải hủy một phần quyết định số 3304 để Chủ tịch UBND huyện Tam B xem xét, giải quyết lại phần này cho đúng quy định pháp luật về trình tự, thủ tục và nội dung.

Xét yêu cầu của người khởi kiện đòi hủy quyết định số 3304 và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có căn cứ chấp nhận một phần.

Ý kiến của người bị kiện và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện không đồng ý hủy quyết định số 3304 có căn cứ chấp nhận một phần.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận một phần.

[3]. Về án phí: do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên người ban hành quyết định hành chính bị kiện phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 99, 100, 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng D: hủy một phần quyết định số: 3304/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của Chủ tịch UBND

huyện Tam B tại Điều 1 phần “ Không chấp nhận yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 102, diện tích 838,3m², tờ bản đồ số 9, ấp Phú N, xã Song P, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long”.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng D về việc yêu cầu hủy quyết định số: 3304/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện Tam B tại Điều 1 phần “Không chấp nhận yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 957,4m², tờ bản đồ số 9, ấp Phú N, xã Song P, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long”.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Buộc Chủ tịch UBND huyện Tam B chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Hoàng D 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0000027 ngày 19/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh L.

3. Quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ HCTP TAND tỉnh VL;
- Đương sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi